TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 09/02/2018
V/v: Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG – TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toà phiên toà: Bà Lê Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Văn Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST – HNGĐ ngày 18/01/2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX – ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1982(vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1980 (vắng mặt)
Cùng cư trú tại: Thôn 6, xã Quảng Nh, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày18/01/2018 và bản tự khai ngày 24/01/2018 chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau, được hai gia đình nội ngoại nhất trí tổ chức cưới vào năm 1999 nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian sau khi kết hôn, chị và anh Q chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân do anh Q không có trách nhiệm chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình, từ đó thường xảy ra xung đột và từ năm 2017 anh chị sống ly thân đến nay không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn nên nay chị yêu cầu được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có ba con chung là: Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/02/2001; Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Nguyễn Văn Anh

L, sinh ngày 06/01/2012. Từ trước đến nay cả ba cháu đang ở với anh Q và chị Đ, nay ly hôn chị yêu cầu: Chị được trực tiếp nuôi hai cháu: Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Thùy L; anh Q trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn Anh L – Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/01/2018, anh Q trình bày thống nhất với chị Đ về các quan hệ Hôn nhân, con chung và tài sản như chị Đ đã trình bày, song nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh chị hiểu lầm nhau trong quan hệ tình cảm nên xảy ra xung đột dẫn đến tình cảm rạn nứt và sống ly thân như chị Đ đã trình bày – Nhưng anh thấy tình cảm của anh với chị Đ vẫn còn nên anh yêu cầu được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Tại biên bản hòa giải (về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con) ngày 23/01/2018, anh Q và chị Đ đã thỏa thuận: Chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu: Nguyễn Văn H và cháu Nguyễn Thị Thùy L; Anh Q trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn Anh L - Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 26/01/2018 anh Q và chị Đ có đơn đề nghị toà án xét xử vắng mặt .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].**Về tố tụng:** Chị Đ, anh Q là các nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt – Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].**Về hôn nhân:** Chị Đ, anh Q kết hôn năm 1999 (anh, chị không nhớ ngày, tháng) trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy căn cứ Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q.

[3].**Về con chung**: Chị Đ, anh Q thống nhất: Anh chị có ba con chung là: Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/02/2001; Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/9/2005 và cháu Nguyễn Văn Anh L, sinh ngày 06/01/2012, nay ly hôn anh, chị thỏa thuận: Chị trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn H và cháu Nguyễn Thị Thùy L còn anh Q trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn Anh L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận của anh Q và chị Đ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu H, cháu L có nguyện vọng ở với chị Đ nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của các bên là phù hợp.

[4].**Về tài sản:** Chị Đ và anh Q không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Đ là nguyên đơn, phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 243; khoản 1 Điều 245 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ quốc hội;

Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/02/2001 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/9/2005 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Văn Anh L cho anh Nguyễn Văn Q trực triếp nuôi dưỡng, miễn phần cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai bên. Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0001092 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện Q;
- THA Quảng Xương để thi hành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Cúc